

KHẢO CỔ HỌC VÀ NỀN NÔNG NGHIỆP CỔ MIỀN NAM

Trần Văn Đạt, Ph.D.

1. Mở Đầu

Vùng đất Nam Phần chạy dài từ nơi tiếp giáp với các cao nguyên Bảo Lộc-Di Linh đến tận mũi Cà Mau, thường được chia làm hai miền theo độ cao trên mực nước biển: vùng đất hơi cao ở phía đông bắc gọi là Miền Đông Nam Phần và vùng đất thấp, bằng phẳng với nhiều sông rạch ở phía tây nam gọi là Miền Tây Nam Phần hay Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL). **Miền Đông Nam Phần** hiện nay có dân số độ 13,8 triệu người và diện tích 34.808 cây số vuông (Tổng Cục Thống Kê, 2006), gồm nhiều ngọn đồi gợn sóng, ít ngọn núi nằm rải rác như núi Chứa Chan, núi Bà Rá, núi Bà Đen, núi Châu Thới... Miền đất này có độ cao trung bình từ vài chục thước đến 100-200 m và có địa hình thấp dần khi hướng ra biển, với sông ngòi, kinh rạch chằng chịt, nhiều đầm lầy, rừng đước, bần ngập mặn, như Rừng Sác. Đất đai cấu tạo bằng đất đỏ do lớp phún thạch núi lửa và đất xám phù sa cổ, với các sông lớn như sông Đồng Nai, sông Bé, sông La Ngà, sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông. Ngành trồng lúa nước vẫn còn quan trọng, nhưng các loại cây kỹ nghệ cũng không kém ưu thế, được phát triển liên tục trong hai thập niên vừa qua, chủ yếu cây cao su, cà phê, tiêu, điều, cây ăn quả. Ngoài ra, còn có lâm sản và thủy hải sản và ngành công nghiệp đang phát triển mạnh ở vùng này. Miền Đông hiện nay gồm các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, và Sài Gòn.

Miền Tây Nam Phần có độ cao thấp, trung bình độ 1-2 m trên mực nước biển, có dân số độ 17,4 triệu người (2006) và diện tích 40.605 cây số vuông, được tạo thành do phù sa mới của sông Cửu Long và một phần nhỏ của sông Đồng Nai, có những giồng cát cao đến 5 m ở ven biển. Đất hơi cao ở biên giới Việt-Miên và có chiều hướng thấp dần đến 0,5 m khi tiến về biển. Đất đai bằng phẳng, nhiều đầm lầy ẩm thấp, sông rạch chằng chịt. Có ít ngọn núi thấp, cao vài trăm thước ở tận cùng xứ sở và giáp nối với nước Cao Miên, như dãy núi Thất Sơn, gồm 7 núi: Núi Cấm, núi Tượng, núi Cô Tô, núi Sam, núi Két, núi Nước và núi Dài Lớn. Ở nội địa, có ba vùng trũng thấp rộng lớn là Đồng Tháp Mười (700.000 ha), khu Tứ Giác Long Xuyên (489.000 ha) (theo Wikipedia) và vùng U Minh (270.000 ha) (Nguyễn Văn Ngưu, 2002). Ngoài nông nghiệp trồng lúa chủ yếu, còn có ngành cây ăn quả, thủy hải sản, chăn nuôi, lâm sản... ĐBSCL gồm 13 tỉnh và thành phố: Tiền Giang, Long An, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, Hậu Giang, Thành Phố Cần Thơ, An Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, và Kiên Giang.

Cách nay độ 4.000 năm (thời đại đồ đồng và sơ kỳ thời đại đồ sắt), đã có sắc dân thuộc bộ tộc như Xtiêng, Châu Ro, Mạ... sống theo lối du canh với nghề săn bắt và hái lượm ở miền Đông Nam Phần. Vương quốc Phù Nam (từ chữ Fu Nam của Tàu), gồm nhiều sắc tộc Malayo-Polynesian xuất hiện ở miền nam của bán đảo Đông Dương từ thế kỷ thứ II tr. CN đến đầu thế kỷ VII sau CN, với **đế đô Vyadhapura** ở tỉnh Prey Veng của Cao Miên ngày nay. Trong thời kỳ hưng thịnh, vương quốc Phù Nam trải rộng từ Miền Nam Việt Nam đến châu thổ sông Menan của Thái Lan, Miến Điện và xuống đến các nước Malaysia và Indonesia. Người Phù Nam có nguồn gốc Úc-Á, chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ nên người dân theo đạo Hồi, Ấn Giáo và Phật Giáo. Đến giữa thế kỷ VII, nước Phù Nam suy tàn, bị một vương quốc nhỏ gốc Khmer ở phía bắc của nước này chiếm lấy và thành lập nước Chân Lạp. Trong thế kỷ thứ IX và X, nước Chân Lạp bị phân chia bởi hai nhóm luôn đối nghịch nhau, có lúc trở thành 2 vương quốc nhỏ: Lực

Chân Lạp là phần đất cao, nước Cao Miên bây giờ với đông đảo cư dân gốc Khmer sinh sống, và Thủy Chân Lạp thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long ngày nay, đất thấp với nhiều sông rạch, đầm lầy, rừng rậm với dân cư thưa thớt và sự cai trị của trung ương còn quá lỏng lẻo; cho nên nhiều sắc dân khác dễ xâm nhập và sống lẫn lộn, nhất là người Việt Nam, Chăm và Tàu.

Tài liệu dưới đây được soạn thảo nhằm tìm hiểu nguồn gốc và sự hình thành của vùng đất Nam Phần trong thời đại đá cũ đến thời đại kim loại và nền văn hóa Óc Eo, cùng sự tương quan giữa các thành quả khảo cổ học và nền nông nghiệp cổ của cư dân sống trên phần đất này.

2. Khảo Cổ Học Miền Nam (Viện Khảo Cổ Học, 1999 và Võ Sĩ Khải, 2002)

Sau khi chiếm được Nam Kỳ, vào thập niên 1870, người Pháp đã thu lượm được nhiều công cụ đá mài và công cụ bằng đồng thau ở miền Đông Nam Phần. **Năm 1878-1879, Ông F. Caspar và M. Jugant** (trong Viện Khảo Cổ Học, 1999) đã tìm thấy nhiều rìu, đục bằng đá mài nhẵn và rìu đồng có họng tra cán ở chung quanh vùng Sài Gòn. Theo Ông Võ Sĩ Khải (2002), một minh văn chữ Phạn được tìm thấy tại chùa Prasad Pram Loven ở Gò Tháp, Đồng Tháp Mười cũng vào năm 1878-1879 có ghi lại những nghi thức thờ thần Visnu nhân dịp Thái Tử Gunavarman được giao quyền cai trị vùng bùn lầy của Đồng Tháp Mười vào thế kỷ VI sau CN. Minh văn này được đưa về Sa Đéc và được công bố vào 1931.

Ông A. Corré (1880) đã báo cáo những công cụ bằng đá đã được tìm thấy cùng với hai bản minh văn chữ Phạn ở núi Ba Thê, tỉnh An Giang. Những khảo sát về sau cho thấy vùng Ba Thê phát hiện nhiều phế tích bằng đá, gạch, mi cửa, tượng Phật, linh vật, tượng thần...

Ông E. Hamy (1897) đã công bố bộ sưu tập hơn 100 hiện vật bằng đá và 10 di vật bằng đồng của 20 điểm di tích trong lưu vực sông Đồng Nai.

Năm 1898, Phái Bộ Khảo Cổ Học Đông Dương (Mission archéologique de l'Indochine) được thành lập ở Sài Gòn, nhằm tạo cơ sở phát triển cho các hoạt động sưu tầm, nghiên cứu và khai quật được mở rộng hơn. Chỉ 3 năm sau, 1901, Phái Bộ này đã trở thành Trường Viễn Đông Bác Cổ và di chuyển ra Hà Nội để bành trướng công tác khảo cổ cho cả Việt Miên Lào, ngoài nghiên cứu nền văn minh của Ấn Độ và Nhật Bản (EFEO, 2007).

Năm 1902, Ông D. Grossin thực hiện khai quật đầu tiên ở sườn đồi phía tây Cù Lao Rùa của sông Đồng Nai và kết quả được công bố trong tập san Trường Viễn Đông Bác Cổ (Grossin, 1902). Sau đó, đại úy F. Barthère (1911) đã có bộ sưu tập đồ đá Biên Hòa quan trọng với 114 rìu có vai, 25 rìu tứ giác, lưỡi câu, vòng trang sức, dọi xe sợi, bi gốm...

Năm 1937, các nhà khảo cổ L. Malleret và O. Jansé (1958) tiến hành một cuộc thám sát ở Cù Lao Rùa và tìm thấy 2 rìu có vai và nhiều đồ gốm có hoa văn đường song song, gốm mỏng, có màu nâu, đỏ và độ nung cao (Malleret, 1959 và 1963).

Vào năm 1944, Ông L. Malleret đã bắt đầu khai quật khu di tích Óc Eo và núi Ba Thê để tìm hiểu các tầng văn hóa, đưa đến một khám phá ngoạn mục của vùng Đông Nam Á về nền "văn hóa Óc Eo".

Nhà khảo cổ E. Saurin (1963) đã nghiên cứu hơn 10 di tích trong vùng Xuân Lộc, Hàng Gòn và Dầu Giây và xếp các di chỉ này thuộc về một nền "Văn hóa kim khí khu vực". Ông Saurin (1968 và 1973) đã báo cáo 15 di vật ở một hố sâu 0,40 m tại đồn điền

Hàng Gòn, Xuân Lộc, liên quan đến sơ kỳ thời đại đá cũ. Ở Dầu Giây, Ông cũng tìm thấy 1 rìu tay ở độ sâu 1,50m và 2 chiếc nạo, một mũi nhọn trên mặt đất.

Từ 1902 đến 1945, hơn 300 địa điểm có di tích và di vật kiến trúc đã được báo cáo ở Miền Nam, từ vùng Hà Tiên - Rạch Giá, núi Sam, Thất Sơn, Ba Thê - Óc Eo, đồng Xà No, các vùng đất cao, vùng cận biên Sóc Trăng, vùng U-Minh - Cạnh Đền, vùng sông Tiền và sông Hậu, Đồng Tháp Mười cho đến thung lũng sông Đồng Nai (Võ Sĩ Khải, 2002).

Từ 1945 đến 1975, ông H. Fontaine và Hoàng Thị Thân (1975) thực hiện những cuộc đào tìm hiểu về thời kỳ tiền sử và mộ chum chứa nhiều di vật gốm, đá, đồng, sắt, đồ trang sức ở di chỉ Phú Hòa. Fontaine (1972 và 1975) đã báo cáo một bộ sưu tập trên 4000 công cụ bằng đá và hàng vạn mảnh gốm cho biết tầm quan trọng của các di vật này đối với thời đại kim khí nơi đây. Vùng Phước Tân có nhiều công cụ đá hơn hết (2596) so với Bến Đò (1309 chiếc), Cù Lao Rùa (400 chiếc) nên Ông đã đề nghị xếp các di tích này vào nền "**Văn hóa Phước Tân**". Ông còn xác định niên đại C14 của các di vật này từ 2300 đến 3100 năm (tính từ 1950).

Từ năm 1975 đến nay, Trung Tâm Nghiên Cứu Khảo Cổ Học thuộc Viện Khoa Học Xã Hội ở Miền Nam đã khảo sát, đào xới, kiểm chứng hơn 90 di tích và khai quật hơn 20 di tích kiến trúc ở miền Nam, như khu di tích An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cần Thơ, Trà Vinh, Vĩnh Long, Bến Tre, Cần Giò (rìu đá mài), Đồng Nai, Long An, Tây Ninh, Lâm Đồng... Tuy nhiên, chưa có một công trình nghiên cứu tổng hợp có hệ thống được thực hiện đầy đủ, dù số di tích và di vật được tìm thấy khá lớn (Võ Sĩ Khải, 2002). Hiện nay, ngành khảo cổ học Nam Phần đã tốn nhiều thời gian và công sức để tìm kiếm những bằng chứng xác thực, đầy đủ hơn về giai đoạn sơ kỳ thời đại đá cũ, làm sáng tỏ thời đại kim khí của Miền Đông Nam Phần và tìm hiểu chi tiết hơn về chủ nhân, cội nguồn và quá trình phát triển của nền văn hóa Óc Eo rực rỡ của đất nước Miền Nam.

3. Hình Thành Vùng Đất Miền Nam

Theo các nhà địa chất, vào đầu Kỷ Thứ Ba (Pliocene) và Thứ Tư, đồng bằng miền Nam hình thành một trũng rộng lớn. Từ đó, các địa chất dần dần lấp đầy vùng trũng, tạo thành một lớp trầm tích dày trên 2.000 m. Đó là đồng bằng Nam Phần trù phú ngày nay. Ngoài ra, còn có giả thuyết đất nước có **hiện tượng sụt lún** tạo ra hai đồng bằng sông Hồng và ĐBSCL vào thời đại đá cũ Cánh Tân (Viện Khảo Cổ Học, 1998).

Miền Đông Nam Phần, đặc biệt hai tỉnh Đồng Nai và Sông Bé là khu hoạt động của núi lửa xa xưa, để lại các vết tích của thềm dung nham chảy bị cát bồi hệ thống suối rạch ở Xuân Lộc, và cao nguyên badan ở cao độ 150-200m ở An Lộc-Lộc Ninh. Tuổi của khu vực badan này vào khoảng 640.000 năm (Carbannel et Pompeau, 1969) hoặc cuối thời kỳ Cánh Tân (Pleistocene) (Phạm Hùng, 1978).

Các hiện tượng biển tiến và biển lùi do băng tan và đóng băng theo thứ tự, ảnh hưởng quan trọng đối với địa bàn cư trú của người dân bản địa ở Nam Phần. Biển tiến lần cuối cùng khoảng 5.000 năm trước, nhưng mỗi thời kỳ biển tiến, tình trạng biển không hoàn toàn ổn định liên tục, mà mực nước biển giao động lên xuống, thấp nhứt không quá phạm vi đất liền hiện nay. Do đó, nhiều nơi đất thấp của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long có lúc bị chìm sâu trong nước biển một thời gian lâu dài.

Đa số ý kiến cho rằng biển tiến cách đây 15.000 năm chỉ đạt 40m dưới mực nước biển hiện nay, khoảng 11.000-9.000 năm trước đạt 10-15m dưới mực nước biển hiện nay và khoảng 5.000 năm trước đến được mực nước bây giờ. Nhưng khoảng 4.500-4.000 năm

trước nước biển dâng lên cao đến +5-3m trên mức hiện nay làm ngập lụt cả ĐBSCL và khoảng 3.000-2.500 năm chỉ còn +2m. Sau đó, biển tiếp tục rút xuống đến mực nước biển ngày nay (Lưu Tỳ và đồng nghiệp, 1985). Cho nên, **hiều nơi đất thấp của ĐBSCL có thể bị ngập lụt cách nay khoảng 4.500-3.000 năm**, trong khi Miền Đông Nam Phần không bị ảnh hưởng nào do biển tiến, ngoại trừ khu vực gần biển Cần Giờ và cư dân có thể sống lâu dài liên tục với nghề nông trên những vùng đất cao. Các di vật khảo cổ được phát hiện trong di chỉ Xuân Lộc cho biết sơ khởi người vượn có thể sinh hoạt trên vùng đất này hàng trăm ngàn năm.

4. Thời Đại Sơ Kỳ Đá Cũ ở Miền Nam

Nhóm di tích Xuân Lộc (hay Gia Tân): Nhà khảo cổ **E. Saurin (1968 và 1973)** đã phát hiện 15 di vật ở đồn điền Hàng Gòn, Xuân Lộc thuộc tỉnh Đồng Nai liên quan đến thời đại sơ kỳ đá cũ và được phân loại như sau: 3 rìu tay gần gũi với rìu tay Acheuléen điển hình, 5 công cụ 3 mặt, 3 công cụ nhiều mặt, 1 mũi nhọn, 1 công cụ hình rìu và 1 hòn ném. Ở Dầu Giây, Ông cũng tìm thấy 1 rìu tay ở độ sâu 1,50m và 2 chiếc nạo, một mũi nhọn trên mặt đất. Những công cụ đá ở Hàng Gòn và Dầu Giây gần gũi với các nhóm di vật miền Đông Campuchia và có thể có niên đại Acheuléen.

Từ năm 1975 trở về sau, các nhà khảo cổ kiểm tra lại 2 địa điểm Hàng Gòn VI và Dầu Giây II do E. Saurin tìm thấy trong năm 1968 và thám sát thêm khu vực đồi badan Xuân Lộc và lưu vực cổ sông Đồng Nai thuộc tỉnh Đồng Nai và Sông Bé. Các nhà khảo cổ học tìm thấy một công cụ chày thô, một chiếc rìu tay hình bầu dục khá gần gũi với rìu tay Acheuléen (Nguyễn Đổng Chi, 1976, Nguyễn Văn Long và Lê Trung Khá, 1977). Một cách tổng quát, các hiện vật như rìu tay, công cụ hình rìu được tìm thấy có nguồn gốc đá badan, ở ngoài mặt đất, còn khá ít, nhưng các tổ hợp công cụ của Đồng Nai gần gũi với Núi Đọ, được xem có thời đại đá cũ sơ kỳ (Viện Khảo Cổ Học, 1998).

Một số nhà khảo cổ học đang còn tranh luận về sự hiện diện của con người trên một số địa điểm, như **Xuân Lộc (Đồng Nai) và Núi Đọ (Thanh Hóa)**. Rất nhiều công cụ đặc biệt cho thời đại đá cũ đã được tìm thấy, nhưng các di chỉ được thu thập rải rác trên mặt các đồi gò, thềm sông. Trái lại, ở Miền Bắc một số di tích có cốt người cổ, nhưng chưa phát hiện được các công cụ lao động, như di chỉ Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, Hang Hùm (Viện Khảo Cổ Học, 1998 và 1999). Do đó, cần có những cuộc nghiên cứu khảo cổ mới, những khai quật mới để có đầy đủ thông tin chính xác giúp xác nhận một nền văn hóa cổ xưa xuất hiện ở hai nơi này, nếu thật sự có.



Hình 1: Đồ đá Nam Bộ (Viện Khảo Cổ Học, 1998)

5. Thời Đại Kim Khí và Ngành Nông Nghiệp Cổ Miền Đông Nam Phần (Viện Khảo Cổ Học, 1999)

Trong thời kỳ Toàn Tân cách nay 10.000 năm, bậc thềm phù sa cổ này thành lập một vòng cong từ Vũng Tàu đến Hà Tiên. Đến thời đại đồng thau (cách nay 4.000 năm), tức vào thời kỳ biển lùi, cư dân từ vùng đất cao, đồi núi tiến xuống chiếm ngụ đồng bằng, trước tiên trên những giồng đất cao để thành lập cứ địa cho bành trướng khắp miền Tây Nam Phần sau này. Nhiều cuộc nghiên cứu khảo cổ ở Miền Đông Nam Phần trước và sau 1975, với hàng trăm di tích khảo cổ học và hàng vạn di vật khảo cổ thu lượm được, đã cho thấy một nền văn hóa chung cho lưu vực sông Đồng Nai - **một trung tâm văn hóa lớn trong thời đại kim khí** của nước nhà. Có thể phân chia các di chỉ khảo cổ học miền Đông Nam Phần theo khu vực địa lý như sau:

(i) "**Các di chỉ khảo cổ học ở độ cao 100-200m**, chủ yếu ở Xuân Lộc với diện tích thường rộng, tích tụ văn hóa dày, hiện vật phong phú, tập trung ở Hàng Gòn, Phú Hòa, Dầu Giây, Long Giao, Suối Linh, Đồi Phòng Không, Cầu Sắt, Đồi Mít, Đồi Xoài, Bình Xuân...

(ii) **Các di chỉ khảo cổ ở hạ lưu sông Đồng Nai** với diện tích rộng, tích tụ văn hóa dày như Dốc Chùa, Bình Đa, Phước Tân, Mỹ Lộc...

(iii) **Khu vực cận biển** với các di chỉ Cái Lăng, Bưng Bạc, Bưng Thom, Cái Vạn, Giồng Phệt, Giồng Cá Vồ; và các vùng phù sa như Rạch Núi, An Sơn, Rạch Rừng, Lộc Giang..."

5.1. Các đặc trưng chính

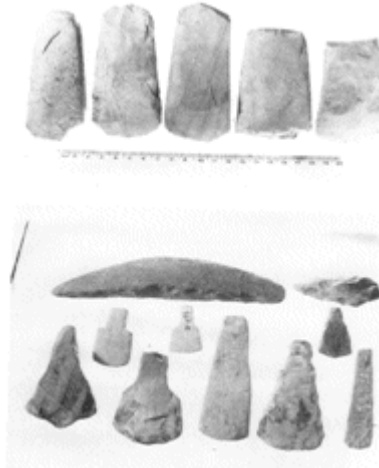
Qua nhiều thập niên thu lượm, thám sát, khai quật ở hàng trăm các di chỉ khảo cổ, các di vật được phát hiện rất phong phú và đa dạng, gồm những cổ vật làm bằng các chất liệu đá, đồng, sắt, gốm, xương..., tạo nên bản sắc riêng biệt cho miền Đông Nam Phần qua nhiều thời kỳ văn hóa.

Đồ đá: Di vật đồ đá phát hiện với số lượng to lớn, làm ngạc nhiên các nhà khảo cổ học liên hệ. Ở Gò Đá (Mỹ Lộc), trong nửa tiếng đồng hồ, Ông Holbe đã nhặt được 100 chiếc rìu đá (Holbe, 1889). Ở địa điểm khảo cổ Phước Tân có 3.000 di vật đá thu lượm được từ 1969 đến 1975. Nhiều địa điểm khảo cổ khác cũng vậy. Sự phân bố các di vật ở các di chỉ Miền Bắc thấp hơn các di chỉ Miền Nam (Phạm Quang Sơn, 1978). Chất liệu chế tạo đồ đá thường là đá badan và đá hoa cương (granite). Kỹ thuật ghè đẽo hình dáng và mài hoàn chỉnh, **vắng bóng kỹ thuật cưa**.

Bộ hiện vật đá Đồng Nai rất đa dạng, gồm có các loại rìu vai, rìu không vai, rìu tứ giác dạng hình thang rõ rệt (ở Miền Bắc và Trung có hình vuông), nhiều cuốc đá lớn (dài trên 15 cm, vai vuông vắn, lưỡi được mài bén ở một hoặc hai mặt), đục đá (có lưỡi sắc, hơi nhọn, chế tạo khá sơ sài), dao hái (độc đáo, dài độ 10-15 cm, có đốc thẳng, lưỡi cong hình cung, khá mỏng), dao cắt hay cưa đá, bàn mài (dạng hình lõm), mũi nhọn đá (gắn vào tre gỗ làm vũ khí tự vệ, chọc lỗ hay săn bắn). Những dụng cụ bằng đá này được sử dụng trong các hoạt động nông nghiệp, một nghề chủ yếu của cư dân trước thời đại kim khí còn sót lại. Miền Đông Nam Phần có thể có một hay những nền văn hóa khác trong thời đại cuối đá cũ và đá mới cần được nghiên cứu thêm để xác nhận.

Điểm đáng chú ý là trong tất cả các địa điểm khai quật, các nhà khảo cổ hầu như **không tìm thấy dụng cụ cày**, như đã thấy trong nền văn hóa Đông Sơn ở miền Bắc. Cho nên, nền nông nghiệp ở đây là **nền nông nghiệp dùng cuốc**, nhưng đã có trình độ cao. Các cư dân đã dùng rìu tứ giác chặt cây phá rừng, dùng cuốc đá để đào xới đất, dùng mũi

nhọn đá để chọc lỗ trồng trọt, dùng dao đá để thu hoạch và bàn mài để bóc vỏ hạt, ngoài những chức năng phụ khác.



Hình 2: Rìu đá, công cụ đá Cầu Sắt, Nam Bộ

(Viện Khảo Cổ Học, 1999)

Ngoài ra, còn có đồ trang sức bằng đá như vòng đeo tay, hạt chuỗi bằng đá quý, khuyên tai bằng đá ngọc xanh (Nguyễn Thị Kim Dung và cộng sự, 1995). Còn có khuôn đúc đồng dùng chế tạo rìu, giáo, lao, lưỡi câu, chuông nhỏ...

Đồ gốm: Miền Đông Nam Phần có nhiều hệ thống sông ngòi, kinh rạch, các gò đất đỏ Basalte, đầm lầy tạo điều kiện thuận lợi phát triển đồ gốm. Đồng Tháp Mười là một vùng cung cấp nguyên liệu cho sản xuất nhiều loại đồ gốm. Bộ đồ gốm ở vùng này có sắc thái đặc biệt do ảnh hưởng con người, hệ sinh thái của vùng.

Đồ đồng và sắt: Bộ đồ đồng tìm thấy được tương đối ít hơn lưu vực sông Hồng, sông Mã..., nhưng nhiều hơn đồ đồng ở ven biển của nền văn hóa Sa Huỳnh. Đồ đồng được tìm thấy gồm có các loại rìu, chủ yếu rìu cân, vai xuôi, một mặt phẳng, một mặt lõm, lưỡi cong hình hyperbol, họng tra cán hình chữ nhật hay hình bầu dục. Ngoài ra, còn tìm thấy giáo hình lá hay hình đa bút, đồ trang sức còn rất ít như vòng tay có mặt cắt hình bán nguyệt hay dẹp. Trong giai đoạn muộn như Suối Chồn, Dầu Giây, Hàng Gòn còn tìm thấy các công cụ sản xuất và vũ khí bằng sắt được chế tạo bằng rèn (thay vì đúc như ở miền Bắc) rất phong phú và hoàn chỉnh hơn, như **cuốc, rìu, dao, liềm**, kiếm, vòng tay, nhẫn... **Nhờ các công cụ sản xuất kim khí này, ngành nông nghiệp đã tiến lên một tầng cao, với năng suất lao động và hoa màu tăng vượt bậc.**

Đồ thủy tinh gồm có loại vòng tay cắt hình tròn, chữ D, khuyên tai hai đầu thú, khuyên tay có ba mấu, khuyên tai mặt cắt hình tam giác và hạt chuỗi. Người ta còn tìm thấy đồ trang sức mạ vàng và bằng vàng, bạc được tìm gặp ở các di chỉ mộ chum có niên đại sơ kỳ thời đại sắt, Tiền Ốc Eo và Ốc Eo.

Ngoài ra, người ta còn tìm thấy các trống đồng ở Bình Phú (Thủ Dầu Một), Vũng Tàu (niên đại thế kỷ VI tr CN), Lai Sơn (Kiên Giang), Lộc Tấn (Bình Phước).

5.2. Các giai đoạn phát triển hệ văn hóa Đồng Nai

Hiện nay, quá trình tiến hóa của hệ văn hóa Đồng Nai có thể chia làm 5 giai đoạn (Phạm Đức Mạnh, 1997):

- 1) **"Cầu Sắt-Suối Linh:** Giai đoạn đá-đồng, 4.500-4.000 năm cách nay.
- 2) **Núi Góm-Bình Đa-Cù Lao Rùa:** Giai đoạn đồng thau sớm, khoảng thiên niên kỷ II trước CN.
- 3) **Dốc Chùa-Bưng Bạc:** Giai đoạn đồng thau muộn, khoảng nửa đầu thiên niên kỷ I trước CN.
- 4) **Suối Chôn-Phú Hòa:** Giai đoạn sớm của thời đại sắt, khoảng nửa sau thiên niên kỷ I trước CN.
- 5) **Cần Giờ (Giồng Phệt-Giồng Cá Vồ)-Lộc Chánh:** Giai đoạn phát triển mới của thời đại sắt, khoảng 1-2 thế kỷ trước và sau CN."

Di chỉ khảo cổ Cầu Sắt - Suối Linh được coi là biểu tượng cho **giai đoạn phát triển sớm nhất của thời đại kim khí** thuộc lưu vực sông Đồng Nai, do vết tích của loại rìu đá có vai kích thước nhỏ và trung bình với tỉ lệ lớn hẳn các công cụ khác và loại dao hái nhỏ, ghè mài từ những mảnh tước nhỏ có mũi nhọn để làm dụng cụ nông nghiệp. Đồ gốm có trình độ kỹ thuật cao, chế tạo bằng bàn xoay và một số khác bằng tay, độ nung cao, thành gốm mỏng... Chưa tìm được dấu vết kim loại và mộ táng. *Ngành nông nghiệp cuộc đá hiện diện rõ nét.* Do đó, **niên đại của Cầu Sắt tương đương với giai đoạn Phùng Nguyên ở phía Bắc**, tức cách nay độ 4.500 năm - thời đại đồng. Giai đoạn phát triển sớm của đồng thau tiếp theo là **văn hóa Bền Đò** (3040 ± 140), **văn hóa Cù Lao Rùa** (Khoảng thiên kỷ II tr. CN) với các công cụ có kích thước lớn như cuộc, mai, rìu có vai phát triển mạnh, cùng với các đồ trang sức hình tam giác hoặc hình bầu dục. Kế tiếp là **văn hóa Dốc Chùa** của thời đại kim khí (khoảng nửa đầu thiên kỷ I tr. CN), với sự xuất hiện phong phú của rìu tứ giác, giáo, lao, vòng trang sức, tượng động vật, nhiều khuôn đúc đồng. Tiếp theo Dốc Chùa là **Suối Chôn-Phú Hòa** (khoảng nửa sau thiên kỷ I tr. CN) và **Cần Giờ-Lộc Chánh** (khoảng 1-2 thế kỷ trước và sau CN) với các loại công cụ đa dạng và phong phú về hiện vật sắt, đồ trang sức thủy tinh và kim loại quý như vàng, bạc, mộ gốm. *Ngành nông nghiệp đã phát triển mạnh hơn với công cụ sản xuất kim khí.*

5.3. Nền nông nghiệp cổ sơ

Sự hiện diện dày đặc của các di vật đa dạng như đá, đồng, sắt, gốm, xương, thủy tinh... ở nền văn hóa Đồng Nai cho thấy **cư dân sống khá đông đảo cách nay ít nhất 5.000-4.000 năm.** Họ sống **chủ yếu bằng nghề nông nghiệp cuộc với các công cụ sản xuất có số lượng rất lớn như rìu có vai hay tứ giác, dao hái, dao cắt khá độc đáo, cuộc đá rất phổ biến** và nhiều đồ đựng bằng gốm. Nông dân dùng những chiếc rìu đá (Hình 2) không những để chế tạo dễ dàng hơn những vật bằng gỗ hay tre, mà còn có thể chặt cây, phá rừng trồng trọt trên đất cao, chủ yếu nông nghiệp nương rẫy, làm vườn. **Rìu đá** rất đa dạng và phong phú, gồm có các loại rìu vai, rìu không vai, rìu tứ giác. Rìu tứ giác có dạng hình thang rõ rệt, rìu có phần đốc hẹp, lưỡi xòe rộng, chiều dài có khi lớn gấp 2 hoặc 3 lần chiều rộng, giúp khai thác nông nghiệp dễ dàng và hữu hiệu hơn.

Những chiếc cuộc đá (Hình 2) được dùng trong phát triển nông nghiệp đất cao và ruộng thấp, đặc biệt ruộng nước ở dọc bờ sông Đồng Nai hoặc các vùng đất gần thôn xóm. Cuộc đá có kích thước lớn, thường dài hơn 15 cm, vai vuông, lưỡi được mài ở

một mặt hoặc 2 mặt. Lưỡi thường xoè rộng và có dạng cong lồi, giúp xới đất mau lẹ hơn dùng tay hoặc chân ở thời kỳ trước đó.

Ngoài ra, các nhà khảo cổ còn tìm được ở di chỉ Cầu Sắt những chiếc **dao hái bằng đá** badan hình bán nguyệt, lưỡi cong hình cung, sống thẳng được mài nhẵn khá mỏng, mặt cắt ngang hình tam giác cân. Các nhà khảo cổ cho rằng đó là các **dao gặt lúa** (Hình 2) được tìm thấy ở Bến Đò, Phước Tân, Hội Sơn... Địa điểm Cầu Sắt được tìm thấy đến 50 chiếc (Hoàng Xuân Chinh, 1978), địa điểm Suối Linh 58 chiếc (Phạm Đức Mạnh, 1996). **Dao cắt** (còn gọi là cưa đá) có dạng hình thang, rộng bản thường được mài nhẵn toàn thân, lưỡi sắc hiện diện ở hầu hết các di chỉ từ giai đoạn sớm đến giai đoạn muộn. Sự phát hiện các dao hái, dao cắt bằng đá - các công cụ thu hoạch - cho thấy **ngành trồng lúa nương và lúa nước chiếm vị trí quan trọng trong nông nghiệp cuộc đá**. Các xưởng chế tạo công cụ đá có thể ở Suối Linh, Mỹ Lộc, Bưng Bạc, Đốc Chùa...

Cách nay vào khoảng 5000-6000 năm, nhiều nhà nghiên cứu biết rằng, các bộ lạc trồng lúa, chủ yếu **lúa rẫy**, xuất hiện trên khắp nước và vùng Đông Nam Á (Nguyễn Phan Quang và Võ Xuân Đàn, 2000). Do đó, sự hiện diện của các di vật cuộc đá, dao hái, dao cắt khá phong phú ở nhiều địa điểm khảo cổ chứng tỏ nghề trồng lúa rẫy xuất hiện trước ở trên đất cao hoặc sườn đồi núi, sau đó **lúa nước** có mặt ở nơi trũng thấp hoặc ven sông rạch và trở nên nghề chủ yếu vì sản xuất cao hơn rẫy nương, bên cạnh các hoạt động hái lượm và săn bắt truyền thống ở Miền Đông Nam Phần. Nhờ đó, cư dân có đời sống ổn định hơn, họ **thành lập xóm làng lâu đời**, với các di vật phát hiện dày đặc là chứng tích. **Vào thời đại kim khí**, các công cụ sản xuất bằng đồng và sắt đã phát hiện ở di chỉ Dầu Giây, Hàng Gòn, gồm có rìu, cuốc, dao, liềm... đã giúp cho nền nông nghiệp ở Miền Đông tiến bộ thêm một tầng cao hơn để làm tăng hiệu năng sản xuất của nông dân. Theo Saurin (1973), **các đồ sắt** ở Dầu Giây, Hàng Gòn xuất hiện sớm nhất ở Đông Dương vào độ thế kỷ V tr CN đến thế kỷ I sau CN.

Ngoài ra, sự phát hiện **các dọi xe sợi** với số lượng lớn, cho biết nghề thủ công nghiệp dệt vải xuất hiện rộng rãi ở vùng Đồng Nai lúc bấy giờ. Điều này cho biết ngành nông nghiệp trồng cây bông vải hoặc trồng dâu nuôi tằm cũng phát triển mạnh lâu đời ở Miền Đông.

Trên đất nước Việt Nam vào thời đại kim khí, có ba nền văn hóa xuất hiện gần đồng bộ vào 700-500 năm tr CN; đó là văn hóa Đông Sơn ở Miền Bắc, văn hóa Sa Huỳnh ở Miền Trung và văn hóa Đốc Chùa ở Miền Nam. Khi nền **văn hóa Đông Sơn** bước vào thời kỳ đồng thau, có hoạt động nông nghiệp khá tiến bộ với trồng lúa hai mùa, dùng lưỡi cày kim loại và sức kéo trâu bò làm nền tảng cho phát triển kinh tế của tộc Việt. **Văn hóa Sa Huỳnh** bước vào thời kỳ đồng thau, có nền nông nghiệp lớn mạnh, với trồng lúa nước và lúa rẫy, đánh bắt cá, thương mại. **Văn hóa Đốc Chùa** đã bước vào thời sắt sớm, có nền nông nghiệp phát triển cao, chủ yếu trồng lúa rẫy và lúa nước, với sự phát hiện bộ nông cụ thu hoạch - những chiếc liềm đồng và các khuôn đúc ở nhiều nơi, bên cạnh nghề trồng dâu, bông vải, làm vườn rau quả quanh nhà.

6. Văn Hóa Óc Eo và Sinh Hoạt Nông Nghiệp (cách nay 2.200-1.300 năm) (Viện Khảo Cổ Học, 2002)

Nước Phù Nam có nền văn hóa Óc Eo cực thịnh chỉ xuất hiện trong khoảng hơn 8 thế kỷ rồi suy tàn vào giữa thế kỷ thứ VII và bị cư dân gốc Khmer chiếm lấy để thành lập nước Chân Lạp. Một trong nhiều giả thuyết về sự suy yếu này được đánh giá cao là hiện tượng biển tiến làm ngập lụt và bùn biển chôn vùi các vùng thuộc văn hóa Óc Eo, và làm suy yếu nền kinh tế và chính trị của nước Phù Nam. Khi biển rút đi, những người

còn sống sót ở các gò đất cao đã trở nên kiệt quệ. Nước Phù Nam bị Chân Lạp mà đa số gốc Khmer chiếm lĩnh. Sự suy tàn của nước Phù Nam có thể nói lên gì về tương lai của vùng đất Nam Phần và cả Việt Nam với những lần biển tiến trong các thập niên tới, mà hiện tượng hâm nóng toàn cầu hiện nay đang tăng gia ở mức độ đáng lo ngại? Và phải làm gì để chuẩn bị cho biến cố này?

6.1. Lịch sử khảo cổ văn hóa Óc Eo

Vào 1944, Nhà khảo cổ học Louis Malleret đã thực hiện cuộc khai quật địa điểm Óc Eo thuộc xã Vọng Thê, tỉnh An Giang, nhưng sau đó phải ngưng vì chiến tranh xảy ra. Các di vật tìm được từ cuộc khai quật lần đầu tiên của Malleret (1963) rất phong phú, chủ yếu gạch ngói, tượng, đồ gốm với trình độ kỹ thuật, hoa văn rất cao; chứng tỏ nền văn hóa Óc Eo có một thời kỳ rực rỡ. Nền thương mại của nước Phù Nam phát triển rất mạnh và sung túc. Các di vật tìm thấy cho biết nước này có giao thương rộng rãi với Ấn Độ, Trung Hoa, Ba Tư và La Mã và bị ảnh hưởng sâu đậm bởi nền văn hóa Ấn Độ, đặc biệt Phật Giáo và Ấn Giáo.

Óc Eo, Thủ đô của Vương quốc cận biển Phù Nam (Hình 3), có diện tích gần 500 km², là một thành phố hải cảng sầm uất, có hệ thống thuế quan của nước Phù Nam được thành lập từ thế kỷ II tr CN (thay vì thế kỷ III sau CN theo sử Tàu trước đây) cho đến giữa thế kỷ VII (Stark, 1999). Thành phố này được xây dựng bằng gạch ngói, nhà sàn có hệ thống kinh rạch khắp nơi. Kiến trúc đô thị của nền văn hóa Óc Eo cho thấy cư dân nơi đây có nền văn minh sớm, có thể tiến bộ hơn cư dân đồng bằng sông Hồng trong cùng thời đại.



Hình 3: Thành cổ Óc Eo,

Vùng Núi Sập-Ba Thê (Bảo tàng tỉnh An Giang)

Theo báo cáo của Ông Malleret, các hiện vật đã gây sự chú ý đặc biệt: 1311 gr vàng và 9283 hạt ngọc. Ngoài ra còn thu lượm hàng ngàn di vật đồng, sắt, thiếc, gỗ, đá, hàng vạn đồ gốm gồm nhiều loại khác nhau: bình, vò, nôi, lọ, tô, tượng, chân đèn, chì lược... nhiều di vật do ngành luyện kim biến chế sắt, nghề kim hoàn. Đặc biệt hơn hết nhiều di vật có nguồn gốc từ Ấn Độ, Trung Quốc, Trung Á, Roma... có niên đại vào thế kỷ II và III (Viện Khảo Cổ Học, 2002). Vì đặc điểm địa chất của vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) lầy lún, nên khó phân biệt các tầng văn hóa như đã thấy ở đất cao, nhưng ông Malleret cho biết có hai nền văn hóa Phù Nam và Chân Lạp.

Sau 1975, nhiều cuộc điều tra, khai quật được tiến hành từ tỉnh Đồng Nai cho đến Kiên Giang. Cho đến nay, di tích văn hóa Óc Eo được tìm thấy trong các tỉnh: Sông Bé, Đồng Nai, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Cửu Long, huyện Duyên Hải thành phố (Cần Giờ),

Tiền Giang, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Minh Hải... Nền văn hóa Óc Eo bao gồm cả miền Đông và Tây Nam Phần, ngoài địa điểm Óc Eo.

Gần đây các nhà khảo cổ học phân loại nền văn hóa của ĐBSCL với ít nhất 3 tầng văn hóa rõ rệt:

- Văn hóa tiền Óc Eo (trước thế kỷ II tr. CN),
- Văn hóa Óc Eo (Phù Nam từ thế kỷ II tr. CN đến giữa thế kỷ VII sau CN), và
- Văn hóa hậu Óc Eo (Chân Lạp).

6.2. Những đặc trưng chính

Những đặc tính của nền văn hóa Óc Eo gồm có di vật đồ đá, đồ gốm, kim loại và các kiến trúc như sau (Viện Khảo Cổ Học, 2002):

Đồ đá: Cuộc khai quật ở gò Cây Tung, xã Thới Sơn, Tịnh Biên (An Giang) đã thu được nhiều di vật đồ đá: 7 rìu mài trong đó có 2 chiếc là bôn có mỏ, 2 mảnh vòng tay, vật liệu trang trí bằng đá. Nhóm công cụ bằng đá này có niên đại hậu kỳ đá mới đến sơ kỳ thời đại đồng thau. Các tượng đá thuộc tín ngưỡng Bà La Môn và Phật Giáo: đầu tượng Brahma được phát hiện ở Giồng Xoài và Ba Thê, tượng Visnu (Hình 4), đầu Siva ở Gò Tháp (Đồng Tháp Mười). Ngoài ra, còn có các vật dụng làm bằng đá như **bàn mài, bàn nghiền, cối, chày...**, vật đá làm kiến trúc; cho biết lúa gạo là thức ăn căn bản của cư dân Óc Eo.



Hình 4: Tượng Thần Visnu: Đầu và thân (Văn Hóa Óc Eo)

(Viện Khảo Cổ Học, 2002)

Đồ gốm: Gốm ở miền Tây có những sắc thái đặc biệt trong nền văn hóa Óc Eo. Gốm Sông Hậu có màu xanh đen lẫn nhiều bã thực vật. Gốm giữa sông Hậu và Sông Tiền mịn hơn, màu xám đen. Gốm ven biển (Cần Giờ) làm bằng đất pha cát phù sa, có độ nung cao, áo gốm màu hồng hoặc đen. Những di tích bằng gốm và đất nung, đa dạng được tìm thấy ở hầu hết các di chỉ Óc Eo. Di tích Nền Chùa và Ba Thê gồm có nồi nấu thức ăn, cà ràng, chén, bát, bình, vò... Trong **di chỉ Thành Mới, Vũng Liêm, Vĩnh Long** cho biết đây là khu cư trú rộng lớn. Đồ gốm gồm gốm mịn cao, nhiều hoa văn trang trí, độ nung thấp và cao, có niên đại từ thế kỷ VI tr. CN đến thế kỷ V sau CN.

Đồ kim loại: Các di vật được tìm thấy làm bằng đồng, thiếc, bạc, chì, sắt và vàng. Tượng phật bằng đồng được tìm thấy ở Ba Thê, Cây Thị. Ngoài ra, còn tìm thấy các đồ trang sức như nhẫn, hoa tai, vòng tay bằng thiếc và các loại hợp kim; con dấu chạm chìm hay nổi; đồng tiền vàng, bạc, thiếc; và vàng trong đồ trang sức có hình người,

động vật, thảo mộc... Ngoài ra, nhiều dụng cụ chế tạo kim hoàn như nồi nấu cũng được tìm thấy.

Kiến trúc: Vật liệu kiến trúc gồm đá, gạch, đất nung và gỗ. Các loại đá làm kiến trúc từ thô sơ (Nền Chùa) đến những phiến đá lớn được gọt đẽo và trang trí (Ba Thê, Giồng Cát, Gò Tháp), những cột đá lớn vuông có cạnh, có mộng và chốt để nối theo chiều cao (Gò Tháp). **Gạch** gồm đủ loại từ gạch nung sơ sài đến độ nung trung bình và nung cao cứng như đá. Màu gạch gồm từ trắng, xám, hồng, đỏ, nâu.... **Cọc gỗ** được sử dụng để làm nhà sàn ở các di chỉ cư trú, hoặc làm vật thờ như Linga, sàn gỗ ghép... (Võ Sĩ Khải, 2002)

Những di vật dày đặc và đa dạng đã được tìm thấy ở các địa điểm khai quật cho biết chắc chắn **một thời đô hội** của các thành thị Óc Eo ở Miền Nam cách đây hơn 2000 năm. Những vết tích dãy cọc gỗ dọc nhà sàn ở di chỉ Nền Vua cho biết có những phố phường dọc theo các kênh rạch với **những nhà sàn dọc theo hai bờ**. Cư dân đô thị sinh sống bằng nghề thủ công như nghề gốm (nhưng gốm men chưa xuất hiện), kim hoàn trang sức, thủy tinh, thương mại, buôn bán trao đổi với người trong nước và các tàu bè ngoại quốc.

6.3. Sinh hoạt nông nghiệp

Những dụng cụ sinh hoạt, sản xuất được tìm thấy ở các di chỉ Óc Eo cho biết người Óc Eo có nền nông nghiệp thâm canh và trình độ cao với ruộng sâu, tưới tiêu, vườn trái cây, đánh bắt cá và chăn nuôi. **Ngành trồng lúa nước** vẫn là chủ yếu của cư dân này. Các di vật như nồi nấu kim loại, dọi se sợi, chày, cùng với các dụng cụ bằng đá như rìu mài, bôn có mỏ, bàn mài, bàn nghiền, cối, chày. Ngoài ra, các di tích sinh hoạt được ghi nhận qua những thanh gỗ nhỏ có gia công, thanh củi cháy dở bên cạnh nồi nấu và những phế thải như xương cá, xương lợn, trâu bò, vỏ dừa, trái cây. **Những hạt lúa cổ** cũng được tìm thấy ở di chỉ khảo cổ Nền Chùa, Kiên Giang (Viện Khảo Cổ Học, 2002). Các mảnh vàng lá có trang trí và khắc minh văn như hình động vật, hình thảo mộc... Điều này cho thấy các cư dân Óc Eo sống ngoài các đô thị với nghề nông nghiệp, chủ yếu **trồng lúa nước, dùng sức kéo trâu bò, chăn nuôi, làm vườn, săn bắt, đi biển...**

Do ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ, tôn thờ đạo Ấn Giáo và Đạo Phật, những cuộc giao thương với các thuyền bè ngoại quốc, gồm cả Việt Nam, Trung Hoa..., cư dân nền văn hóa Óc Eo có trình độ trồng lúa nước tiến bộ cũng gần giống với dân tộc Chăm, Ấn Độ và Việt Nam. Có lẽ phần lớn họ chỉ trồng lúa nhờ nước trời và một số nơi trồng lúa tưới tiêu khi có hệ thống thủy lợi. Khi mưa rơi vài đám, ruộng bắt đầu ngập nước, cư dân dùng chiếc phăng dọn cỏ lạt, dùng sức kéo trâu bò hoặc dùng chân người và thú để làm nhuyễn đất trước khi gieo hạt lúa. Đây là vùng **nông nghiệp dùng phăng**, đặc trưng của ngành trồng lúa nước người Khmer bấy giờ. Họ chưa biết dùng phân hữu cơ, nhưng biết chăm sóc ruộng lúa, đặc biệt nhổ cỏ dại cho đến khi thu hoạch. Phần lớn họ trồng lúa một mùa mỗi năm vào mùa mưa để cung cấp thực phẩm cho gia đình và trao đổi hàng hóa khác ở đô thị. Tuy nhiên, nước Phù Nam không những chịu nhiều ảnh hưởng văn hóa của Ấn Độ, mà họ còn học hỏi được **kỹ thuật dẫn thủy nhập điền** của nước này. Di chỉ Óc Eo ở Ba Thê cho thấy nơi này có nhiều kinh rạch, cho nên nông dân tại đây có thể biết trồng lúa 2 mùa (mùa mưa và mùa khô) vào những thế kỷ đầu Công Nguyên, như đã thấy ở nền nông nghiệp thâm canh lúa của Ấn Độ (Royal Exclusive Travel, 2007) và nước Chiêm Thành.

Tóm lại, sau khi nước Phù Nam suy tàn từ giữa thế kỷ VII, dân tộc Khmer chiếm lĩnh đất đai, ưa thích cư trú và sinh hoạt trên các vùng đất cao (Lục Chân Lạp); trong khi vùng đất thấp trũng, nhiều sông rạch và đầm lầy (Thủy Chân Lạp) bị bỏ hoang sau nhiều năm ngập lụt. **Ngành trồng lúa nước sâu** ở một số vùng của nền văn hóa Óc Eo (ĐBSCL)

lần lượt biến mất, rừng hoang phát triển theo thời gian cho đến khi phong trào Nam tiến khai khẩn đất mới được Chúa Nguyễn đàng trong phát động từ thế kỷ XVII. **Các di dân** (Việt Nam, Trung Hoa, Chăm) thường dùng đường biển để đến cư trú và khai thác đất mới, đầu tiên các vùng đất hoang ven biển thuộc Miền Đông Nam Phần (Mê Xoài/Bà Rịa, Đồng Nai/Biên Hòa) và sau đó các nơi khác ĐBSCL (Gò Công, Định Tường, Vĩnh Long, Hà Tiên...)

Sau khi chiếm được Nam Kỳ, thực dân Pháp không ngừng phát triển hệ thống kinh rạch ở Miền Tây Nam Phần để tăng gia sản xuất lúa gạo phục vụ xuất khẩu, mở rộng đường giao thông và củng cố an ninh vùng. Đầu thế kỷ 20, người Pháp mới bắt đầu khai thác một số khu vực Đồng Tháp Mười và Tứ Giác Long Xuyên để trồng lúa nổi sau khi nhập nội trồng thành công các giống lúa Cao Mên và Thái Lan.

7. Kết Luận

Các cuộc nghiên cứu khảo cổ học nhiều năm đã phát hiện một số lượng lớn, phong phú những di vật với chất liệu đá, đồng, sắt, gốm, xương... ở nhiều di chỉ khảo cổ khác nhau, cho biết rằng cư dân đã đến cư ngụ khá đông đảo ở Miền Đông Nam Phần cách nay ít nhất 4000 năm. Họ gồm nhiều sắc tộc đến chiếm lĩnh hoặc lập nghiệp. Ngoài ra, các di vật bằng đá thô sơ cũng được tìm thấy, dù còn ít, cho thấy vùng này đã trải qua giai đoạn thời đại sơ kỳ đá cũ, nhưng cần có thêm các nghiên cứu và khai quật mới để tìm các di vật chứng minh.

Vào thời đại kim khí, cư dân ở lưu vực sông Đồng Nai đông đảo hơn, với đời sống ổn định, tập trung ở các làng ấp, sống với **nghề nông nghiệp dùng cuốc** tiến bộ, chủ yếu trồng lúa, làm vườn. Họ trồng lúa rẫy trên đất cao, lúa nước ở đất thấp, chăn nuôi, đánh cá, săn bắt và hái lượm, thủ công nghệ, thương mại...

Tiếp theo, nền văn hóa Óc Eo thịnh vượng xuất hiện khắp Nam Phần, nhưng tập trung ở Miền Tây từ vài thế kỷ trước CN và chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền văn hóa Ấn Độ. Họ có đời sống văn minh sớm với các công trình kiến trúc gạch đá ở đô thị, nhà sàn trên đất ngập nước, sống với nghề nông nghiệp lúa nước, đánh bắt cá, làm vườn, chăn nuôi và thương mại, đồng thời mở rộng giao dịch buôn bán từ Á sang Âu. Nhiều di vật tìm thấy cho biết cư dân nguồn gốc Đảo Biển đến ở ĐBSCL cách nay ít nhất 2.600 năm, trước hết khai thác nông nghiệp trên các đất giồng cao có nước ngọt quanh năm, sau tiến dần đến các đầm lầy trũng thấp với **nghề trồng lúa dùng phảng** chủ yếu.

Trần Văn Đạt, Ph.D.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Barthère, F. 1911. Sur quelques gisements de la province de Bien Hoa. Notes pour servir à l'étude du Préhistorique Indochinois. *Mémoires de la Société archéologique de la Provence*, tome II. Suppl. No. 11. Marseille.
- 2) Carbonnell et Pompeau, 1969. Premier élément de datation absolu par traces de fission des basalts de l'Indochine méridional. *Earth and Planetary Science Letters* 6, Amsterdam.
- 3) Corré, A. 1880. Recherches relative à l'Âge de la Pierre polie. *Reconnaissance*, No. 1 et 3. Saigon.
- 4) EFEO, 2007. École Française d'Extrême-Orient- History, Paris (<http://www.ias.nl/iasn/iasn2/general/ecole.txt>)

- 5) Fontaine, H. 1972. Nouveau champ de jarres dans la province de Long Khanh, *BSEI*, tome XLVII, No. 3, p. 397-486.
- 6) Fontaine, H. 1975. Nouvelles récoltes d'objets préhistoriques, *BSEI*, No. 1, p. 75-140.
- 7) Fontaine, H. và Hoàng Thị Thân, 1975. Nouvelles notes sur le champ de jarres funéraires de Phu Hoa avec une remarque sur la crémation au Vietnam, *BSEI*, tome I, No.1, Sai Gon, p. 7-50.
- 8) Grossin, D. 1902. Note sur une feuille faite dans l'île de Cu Lao Rua, près de Bien Hoa. *BEFEO*, No. 3, p. 282-284.
- 9) Hamy, E. T. 1897. L'Âge de la Pierre dans l'arrondissement de Bien Hoa. *Bulletin du Musée d' Histoire Naturelle*, tome III, p. 48-52.
- 10) Hoàng Xuân Chinh, 1978. Thời đại đá ở các tỉnh phía Nam. *Khảo Cổ Học*, số 1, tr. 29-34.
- 11) Holbé, T.V., 1889. Station préhistorique de My Loc, province de Bien Hoa (Cochinchine). *BSA*, No. 12, p. 108-112.
- 12) Jansé, O. 1958. *Archaeological Research in Indochina*. Vols. I-II, Cambridge 1947, Vol. III, Bruges.
- 13) Lưu Tỳ, Nguyễn Thế Tiếp, Nguyễn Tú Dân và Ngô Thị Hồng. 1985. Đặc điểm địa mạo thềm lục địa Việt Nam và các vùng kế cận. *Khảo Cổ Học*, số 61 2-1985.
- 14) Malleret, L. 1959. La civilization Dongsonien d'après les recherches de M.O. Jansé. *FA*. No. 160-161: 9-10.
- 15) Malleret, L. 1963. L'archéologie du delta du Mékong. *BEFEO*, tome XLIII, 1959-1962. Paris.
- 16) Nguyễn Đồng Chi, 1976. Về một hiện vật thuộc thời đại đá cũ tìm thấy ở Xuân Lộc. *NPHM, Viện Khảo Cổ Học*.
- 17) Nguyễn Phan Quang & Võ Xuân Đàn, 2.000. *Lịch sử Việt Nam - Từ nguồn gốc đến năm 1884*. NXB T.P. Hồ Chí Minh, 479 tr.
- 18) Nguyễn Thị Kim Dung, Đặng Văn Thắng, Vũ Quốc Hiền, Nguyễn Thị Hậu và Trịnh Căn, 1995. Đồ trang sức trong mộ chum ở Cần Giò. *Khảo Cổ Học*, số 2, tr. 27-45.
- 19) Nguyễn Văn Long và Lê Trung Khá, 1977. Về những hiện vật đá cũ tìm được ở Vườn Dũ (Sông Bé) và Gia Tân (Đồng Nai). *Khảo Cổ Học*, số 4 (1977).
- 20) Nguyễn Văn Ngưu. 2002. Rice production in Viet Nam - Historical, cultural and technical perspectives, pp 155 (manuscript).
- 21) Phạm Hùng, 1978. Kết quả khảo sát địa chất địa mạo các di tích khảo cổ ở miền Đông Nam Bộ. *Những phát hiện mới về khảo cổ học miền Nam 1978*. TP HCM.
- 22) Phạm Đức Mạnh, 1996. Những phát hiện mới về khảo cổ học tiền sử và sơ sử. Trong *NPHM, Viện Khảo Cổ Học*, năm 1996, tr. 238-239.
- 23) Phạm Đức Mạnh, 1997. Tiền sử và sơ sử Đông Nam Bộ (Việt Nam) - Những nhận thức quá khứ và hiện đại. Trong *Một số vấn đề khảo cổ học ở Miền Nam Việt Nam*. NXB Khoa Học Xã Hội, tr 242-292.
- 24) Phạm Quang Sơn, 1978. Bước đầu tìm hiểu sự phong phú văn hóa hậu kỳ đá mới, sơ kỳ đồng thau ở lưu vực sông Đồng Nai. *Khảo Cổ Học*, số 1, tr. 35-40.

- 25) Royal Exclusive Travel, 2007. Influence of Indian Civilization on Khmer: History of Cambodia (www.cambodia-travel.com/khmer/indian-civilization.htm).
- 26) Saurin, E. 1963. La station préhistorique de Hang Gon près Xuan Lộc (Sud Viet Nam). *BEFEO*, tome LI. Paris.
- 27) Saurin, E. 1968. Station préhistorique à ciel-ouvert dans le Passif du Pah Xieng Tong (Laos). *Asian and Pacific Archaeology Series*, No. 2, ed. W.G. Solheim II, University of Hawaii, Honolulu, p. 87-95.
- 28) Saurin, E. 1973. Le Champ de jarres à Hang Gon près de Xuan Loc (Sud Vietnam). *BEFEO*, tome LXI.
- 29) Stark, M. 1999. Introduction to the lower Mekong archaeological project. <http://www.btinternet.com/~andy.brouwer/aborei.htm>.
- 30) Tổng Cục Thống Kê (GSO). 2006. Số liệu thống kê - Nông nghiệp. <http://www.gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=217>
- 31) Viện Khảo Cổ Học. 1998. *Khảo Cổ Học Việt Nam, Tập I: Thời đại đá Việt Nam*. NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 457 tr.
- 32) Viện Khảo Cổ Học, 1999. *Thời Đại Kim Khí Nam Bộ. Khảo Cổ Việt Nam, Tập II*. NXB Khoa Học Xã Hội, tr 349-398.
- 33) Viện Khảo Cổ Học, 2002. Khảo cổ học Óc Eo. *Khảo Cổ Học Việt Nam, Tập III*, NXB Khoa Học Xã Hội, tr 369-405.
- 34) Võ Sĩ Khải. 2002. *Văn hóa đồng bằng Nam Bộ (Di tích kiến trúc cổ)*. NXB Khoa Học Xã Hội, 426 tr.
- 35) Wikipedia. 2007. Acheuléen. (<http://fr.wikipedia.org/wiki/Acheul%C3%A9en>).

02 tháng 07 năm 2009

Nguồn "www.khoahoc.net"